

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-02-2021.
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Tổ 6, ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Tổ 11, ấp Thạnh A, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn N1, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Tổ 6, ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Tổ 8, ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn N1 chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 09-7-2002 tại UBND xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn N1 là do vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và anh N1 thường xuyên uống rượu, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà chửi bới xúc phạm danh dự gia đình chị và đập phá đồ đạc, đánh chị nhiều lần. Chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 đã sống ly thân khoảng 07 tháng nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh N1.

Về con chung: Có 04 cháu tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 28-8-2000, Huỳnh Văn H1, sinh ngày 21-7-2002, Huỳnh Văn B, sinh ngày 01-01-2007, Huỳnh Thị Mỹ N2, sinh ngày 11-02-2016. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Mỹ N2 và đồng ý giao cháu Huỳnh Văn B cho anh Huỳnh Văn N1 nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Đối với các cháu Huỳnh Thị L và cháu Huỳnh Văn H1 đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn N1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị N chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị N thường đi về khuya dẫn đến cự cãi, gây gổ với nhau. Chị N đã đuổi anh ra khỏi nhà và vợ, chồng ly thân khoảng 06 tháng nay. Hiện nay, anh đang quen và tìm hiểu với người phụ nữ khác nhưng anh vẫn còn thương chị N và các con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Có 04 cháu như chị N trình bày. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Mỹ N2 cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; cháu B có nguyện vọng muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu B muốn sống với anh thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Đối với các cháu L và cháu H1 đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1. Về con chung: Giao cháu

Huỳnh Thị Mỹ N2, sinh ngày 11-02-2016 cho chị N nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Văn B, sinh ngày 01-01-2007 cho anh N1 nuôi dưỡng; ghi nhận chị N và anh N1 không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; đối với các cháu Huỳnh Thị L, sinh ngày 28-8-2000 và Huỳnh Văn H1, sinh ngày 21-7-2002 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Văn N1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh N1.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 chung sống vợ, chồng từ năm 2000 và đăng ký kết hôn ngày 09-7-2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, giữa chị N và anh N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh N1 thường xuyên uống rượu và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ, chồng cự cãi, gây gổ và đánh nhau. Ngoài ra, cả chị N và anh N1 là những đối tượng đánh bạc thuộc diện quản lý của địa phương (BL số 26, 42). Chị N và anh N1 đã sống ly thân khoảng 06, 07 tháng nay. Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị N và anh N1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1, cho chị N được ly hôn với anh N1.

[3] Về con chung: Có 04 cháu tên Huỳnh Thị L, sinh ngày 28-8-2000, Huỳnh Văn H1, sinh ngày 21-7-2002, Huỳnh Văn B, sinh ngày 01-01-2007, Huỳnh Thị Mỹ N2, sinh ngày 11-02-2016. Chị N và anh N1 thống nhất giao cháu N2 cho chị N nuôi dưỡng. Cháu B có nguyện vọng muốn sống với anh N1 và chị N đồng ý giao cháu B cho anh N1 nuôi dưỡng. Chị N và anh N1 không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với các cháu L và cháu H1 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị N đối với anh Huỳnh Văn N1. Chị Phan Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Văn N1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mỹ N2, sinh ngày 11-02-2016 **cho** chị Phan Thị N **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**. Giao cháu Huỳnh Văn B, sinh ngày 01-01-2007 **cho** anh Huỳnh Văn N1 **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**. **Ghi nhận** chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 **không yêu cầu** bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 **có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**. Đối với các cháu Huỳnh Thị L, sinh ngày 28-8-2000 và Huỳnh Văn H1, sinh ngày 21-7-2002 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị N và anh Huỳnh Văn N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001300, ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- UBND xã Tân H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng